

Số: /QĐ-SNNPTNT

Quảng Ngãi, ngày tháng 3 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt diện tích rừng được chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2023 thuộc các lưu vực thủy điện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

### GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Số 97/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 về việc điều chỉnh mức điều tiết tiền dịch vụ môi trường rừng từ lưu vực có mức chi trả cao sang lưu vực có mức chi trả thấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 2007/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 về việc phê duyệt kết quả lập đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng áp dụng cho đối tượng sản xuất công nghiệp có sử dụng nước trực tiếp từ nguồn nước phải chi trả tiền dịch vụ về điều tiết và duy trì nguồn nước; số 103/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 về việc phê duyệt kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi; số 1460/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi; số 13/QĐ-UBND ngày 03/01/2024 về việc phê duyệt kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2024 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi; số 201/QĐ-UBND ngày 29/02/2024 về việc công bố hiện trạng rừng tỉnh Quảng Ngãi năm 2023;

Theo đề nghị của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh tại Tờ trình số 79/TTr-QBVPTR ngày 14/3/2024 về việc xin phê duyệt diện tích rừng được chi trả DVMTR và diện tích điều tiết tiền DVMTR năm 2023 thuộc các lưu vực thủy điện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính Sở.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt diện tích rừng được chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2023 thuộc các lưu vực thủy điện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

- Tổng diện tích rừng được chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2023 là: 43.501,63 ha, tương ứng với diện tích quy đổi là 38.185,3 ha, trong đó:

+ Diện tích rừng của các chủ rừng là tổ chức 40.213,73 ha, tương ứng với quy đổi là 35.491,49 ha.

+ Diện tích rừng của các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư 3.287,9 ha, tương ứng với diện tích quy đổi là 2.693,81 ha.

*(chi tiết có Phụ lục 01, 02 kèm theo)*

**Điều 2.** Trên cơ sở kết quả thu ủy thác tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2023 (được xác định từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023) và diện tích rừng được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, giao Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh chịu trách nhiệm chuẩn xác về diện tích, xác định đơn giá chi trả và đơn giá điều tiết cho các lưu vực thủy điện trên địa bàn tỉnh theo quy định; thực hiện chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho các chủ rừng đúng tiêu chuẩn, đơn giá và thời gian quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh; Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô; Hạt Trưởng Hạt Kiểm lâm các huyện: Trà Bồng, Sơn Tây và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Giám đốc Sở;
- Phòng KH-TC Sở;
- Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ;
- Lưu: VT, KH<sub>TC</sub>Thủy.

**GIÁM ĐỐC**

**Hồ Trọng Phương**